TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Hoàng Liêu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nhung
2. Bà Nguyễn Thanh Thắm *(Nguyên là giáo viên)*

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Viết Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/QĐXXST-HS ngày 04/11/2019 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 04/TA-HS ngày 20 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Siu N *(Tên gọi khác: Siu Noen)*; sinh ngày: 03/7/1998 tại huyện CP, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; con bà Siu H'M; tiền án, tiền sự: không; hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Siu B, sinh ngày: 14/12/2002 tại huyện CP, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Rmah K *(Đã chết)* và bà Siu H'P; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Siu A, sinh ngày 01/9/2004.

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Rmah Đ, sinh ngày 14/9/2003

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Rmah T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Rmah G, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Siu M, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn Ia Sâm, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

6. Bà Siu H' P, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai *(Đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị cáo Siu B)*. Có mặt.

7. Ông Rah Lăn Gi, sinh năm 1977 và bà Rmah H' B, sinh năm 1981 *(Đồng thời là người đại diện hợp pháp của Rmah Đen)*. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai

8. Ông Rah Lan W, sinh năm 1954 và bà Siu H' Đ, sinh năm 1958*(Đồng thời là người đại diện hợp pháp của Siu A)*. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai

- *Người bào chữa cho các bị cáo Siu N, Siu B; đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Siu A và Rmah Đen*: Ông Lưu Đình Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jarai: Ông Nay Đức L – Đơn vị công tác: Phòng Tư pháp huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 08/8/2019, Siu A cùng Rmah Đ, Siu B và Siu N đi bắt chuột ở khu vực đất rẫy của người dân thuộc thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai, Siu A phát hiện tại nhà rẫy của gia đình ông Nguyễn Văn P khóa cửa không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Siu A liền rủ Rmah Đ, Siu B và Siu N vào nhà rẫy trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì tất cả đồng ý. Siu A,B, Đ và N cùng nhau dùng một cây gỗ cứng dài khoảng 80cm và cục đã lấy tại hàng rào của nhà rẫy để cạy phá cửa rồi đi vào trong nhà lục tìm đồ đạc và trộm cắp được các loại tài sản gồm: 01 (Một) khẩu súng hơi loại 07kg; 01 (Một) chiếc máy cưa lốc màu đỏ nhãn hiệu KAVI G750, 01 (Một) chiếc máy khoan cầm tay màu đỏ nhãn hiệu MAKTEC; 01 (Một) chiếc máy mài, cắt cầm tay màu đỏ, nhãn hiệu FU QIANG; 01 (Một) chiếc âm li nhãn hiệu CALITECH màu bạc; 01 (Một) kích thủy lực (con đội), 03 (Ba) cái mỏ lết, 01 (Một) kìm cố định (kìm chết), 15 (Mười lăm) chiếc cờ lê, 03 (Ba) cái khóa mở ốc, 03 (Ba) cái kéo, 02 (Hai) cái tuốc lơ vít, 02 (Hai) cái mũi khoan, 01 (Một) con dao và 01 (Một) cái bát quấn cước cho máy phát cỏ. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, Anh cùng Đen,B và N đem toàn bộ số tài sản trộm cắp được về cất giấu tại một nhà rẫy cùng thôn. Đến

khoảng 18 giờ cùng ngày, Siu A cùng với Đ,B và N mang chiếc âm li đến bán cho anh Rmah T được số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khoảng 11 giờ ngày 09/8/2019, Siu A cùng Đ, B và N tiếp tục mang chiếc cưa lốc đến bán cho anh Siu Mâu được số tiền 650.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, các đối tượng mang một khẩu súng hơi loại 07kg đến bán cho anh Rmah G được số tiền 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*. Toàn bộ số tiền này Anh, Đ,B và N đã cùng nhau tiêu xài hết.

Ngày 12/8/2019, ông Nguyễn Văn P có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Quá trình làm việc, các đối tượng trên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp lại số tài sản đã trộm cắp nhưng chưa bán được. Cơ quan điều tra cũng đã thu giữ số tài sản mà các đối tượng đã bán cho các anh Rmah G, Siu M và Rmah T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/HĐĐGTS-CS ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chư Pưh kết luận:

- Giá trị thực tế của 01 (Một) khẩu súng hơi, loại 07kg, đã qua sử dụng là: 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) máy cưa lốc, nhãn hiệu KAVI G750, màu đỏ, đã qua sử dụng là: 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) máy khoan cầm tay, nhãn hiệu MAKTEC, màu đỏ, đã qua sử dụng là: 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) máy mài, cắt cầm tay, nhãn hiệu FU QIANG, màu đỏ, đã qua sử dụng là: 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) âm li, nhãn hiệu CALITECH, màu bạc, đã qua sử dụng là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) kích thủy lực (con đội), màu đỏ, đã qua sử dụng là: 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) mỏ lết bằng kim loại, dài 30 cm, đã qua sử dụng là: 35.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 02 (Hai) mỏ lết bằng kim loại, dài 20 cm, đã qua sử dụng là: 30.000đ/01 chiếc x 2 = 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) kìm cố định (kìm chết) bằng kim loại, dài 23,5 cm, đã qua sử dụng là: 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) chiếc cờ lê 24, bằng kim loại, dài 31 cm, đã qua sử dụng là: 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 02 (Hai) chiếc cờ lê 17, bằng kim loại, dài 23,5 cm, đã qua sử dụng là: 15.000đ/01 chiếc x 2 = 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) chiếc cờ lê 18, bằng kim loại, dài 22 cm, đã qua sử dụng là: 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 02 (Hai) chiếc cờ lê 17, bằng kim loại, dài 21 cm, đã qua sử dụng là: 10.000đ/01 chiếc x 2 = 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) chiếc cờ lê 14, bằng kim loại, dài 17,5 cm, đã qua sử dụng là: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 04 (Bốn) chiếc cờ lê 13, bằng kim loại, dài 17 cm, đã qua sử dụng là: 10.000đ/01 chiếc x 4 = 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) chiếc cờ lê 17 - 19, bằng kim loại, dài 17 cm, đã qua sử dụng là: 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế của 01 (Một) chiếc cờ lê 14 - 17, bằng kim loại, dài 15 cm, đã qua sử dụng là: 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) chiếc cờ lê 10 - 12, bằng kim loại, dài 13,5 cm, đã qua sử dụng là: 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) chiếc cờ lê 8 - 10, bằng kim loại, dài 12 cm, đã qua sử dụng là: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) khóa mở ốc 19, bằng kim loại, dài 21 cm, đã qua sử dụng là: 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) khóa mở ốc 17, bằng kim loại, dài 15,5 cm, đã qua sử dụng là: 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 02 (Hai) chiếc kéo cắt giấy, bằng kim loại, dài 15,5 cm, đã qua sử dụng là: 5.000đ/01 chiếc x 2 = 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) chiếc kéo bằng kim loại, dài 22,5 cm, đã qua sử dụng là: 10.000đ (Mười nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) chiếc tuốc lơ vít, bằng kim loại, dài 17 cm, cán bằng nhựa màu đen là: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) chiếc tuốc lơ vít, bằng kim loại, dài 19,5 cm, cán bằng nhựa màu vàng, đã qua sử dụng là: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) khóa lục giác mở ốc, bằng kim loại, dài 20 cm, đã qua sử dụng là: 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) mũi khoan bằng kim loại, đường kính 01 cm, dài 13 cm, đã qua sử dụng là: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);

- Giá trị thực tế 01 (Một) mũi khoan bằng kim loại, đường kính 0,6 cm, dài 12 cm, còn mới chưa sử dụng là: 12.000 đồng *(Mười hai nghìn đồng);*

- Giá trị thực tế 01 (Một) con dao lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ, dài 45 cm, đã qua sử dụng là: 25.000 đồng *(Hai mươi lăm nghìn đồng)*;

- Giá trị thực tế 01 (Một) bát quấn cước cho máy cắt cỏ, nhãn hiệu PHẠM QUANG, còn mới chưa sử dụng là: 40.000 đồng *(Bốn mươi nghìn đồng)*.

Tổng cộng trị giá tài sản bị thiệt hại là **3.067.000** đồng *(Ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 *(Một)* máy cưa lốc, 01 *(Một)* máy khoan cầm tay, 01 *(Một)* máy mài, cắt cầm tay, 01 *(Một)* âm li, 01 *(Một)*) kích thủy lực; 03 *(Ba)* cái mỏ lết, 01 (Một) kìm cố định (kìm chết), 15 (Mười lăm) chiếc cờ lê, 03 *(Ba)* cái khóa mở ốc, 03 *(Ba)* cái kéo, 02 *(Hai)* cái tuốc lơ vít, 02 *(Hai)* cái mũi khoan, 01 *(Một)* con dao và 01 *(Một)* cái bát quấn cước cho máy phát cỏ, là tài sản hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Văn P, sau khi định giá Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn P nhận.

- Đối với một khẩu súng hơi không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh đã chuyển giao cho Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện Chư Pưh để xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với 01 *(Một)* cây gậy gỗ các bị can đã sử dụng để cạy phá cửa nhà rẫy của gia đình ông Nguyễn Văn P, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với ông Nguyễn Văn P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường.

- Đối với các anh Rmah T, Siu M và anh Rmah G yêu cầu được trả lại toàn bộ số tiền đã mua tài sản gồm anh T 300.000 đồng; anh M 650.000 đồng và anh G 500.000 đồng, hiện các bị cáo, Siu A và Rmah Đ chưa được bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Siu N và Siu B về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội " *Trộm cắp tài sản*". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 BLHS đối với Siu N

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Siu B.

Xử phạt bị cáo Siu N với mức án từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Siu B với mức án từ 06 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường dân sự tại phiên toà, bồi thường cho anh Rmah T 300.000 đồng, anh M 650.000 đồng, anh G 500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Miễn xét

Về án phí: Buộc các bị cáo Siu N và Siu B phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của bị cáo B và những người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Siu A, Rmah Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thành khẩn khai báo, Siu B là người chưa thành niên phạm tội, nhất thời phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo với mức án nhẹ hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo ăn năn, hối cải về việc phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Pưh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Sáng ngày 08/8/2019, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, các bị cáo Siu N, Siu B cùng các đối tượng Siu A và Rmah Đ đã lén lút cạy phá cửa để thực hiện hành vi chiếm đoạt 37 loại tài sản khác nhau của gia đình ông Nguyễn Văn P ở thôn Tao Kó, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Kết quả định giá tài sản thì tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.067.000 đồng *(Ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo Siu N và Siu B đã có đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa P. Các bị cáo ý thức được rằng trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hiện nay, tình hình loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp gây bất bình lo lắng trong nội bộ quần chúng

nhân dân, bất cứ lúc nào sơ hở trong việc quản lý tài sản thuộc sở hữu của mình cũng có thể bị kẻ khác chiếm đoạt làm của riêng, do vậy cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Các bị cáo Siu N và Siu B: Là đồng phạm với vai trò là người thực hành. Khi được Siu A khởi xướng việc trộm cắp tài sản các bị cáo rất tích cực đồng ý ngay. Tuy nhiên, lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS. Bị cáo Siu B là người dưới 18 tuổi phạm tội nên còn được hưởng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 90, Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự khi lượng hình, quyết định hình phạt.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, không bắt bị cáo chấp hành án phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và cũng không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội mà thể hiện sự nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo Siu N nghiêm khắc hơn Siu B. Áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Siu B với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là hợp lý.

[4] Đối với Siu A và Rmah Đ, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (Ngày 08/8/2019) thì Siu A mới 14 tuổi 11 tháng 07 ngày, còn Rmah Đ mới 15 tuổi 10 tháng 25 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với loại tội ít nghiêm trọng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ Luật Hình sự, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh đã xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

- Đối với anh Rmah T, anh Siu M và anh Rmah G là những người đã mua tài sản do các bị cáo trộm cắp, nhưng khi mua tài sản thì họ không biết đó là những tài sản do phạm tội mà có, nên hành vi đó không cấu thành tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

- Đối với 01 *(Một)* khẩu súng hơi: Qua kiểm tra xác định là khẩu súng hơi loại 07kg *(Là một loại súng săn được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ)*, không có nhãn hiệu. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn P thì ông P mua của một người không rõ lai lịch. Quá trình điều tra, xác minh xác định: Ông Nguyễn Văn P, anh Rmah G, các bị cáo Siu N, Siu B và các đối tượng Siu A, Rmah Đ chưa có tiền án, tiền sự và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái

phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao. Do đó, hành vi của ông Nguyễn Văn P, anh Rmah G, các bị cáo Siu N, Siu B và các đối tượng Siu A, Rmah Đ không cấu thành tội "Tàng trữ, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự" được quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự. Cơ quan CSĐT đã chuyển giao cho Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để xử lý theo thẩm quyền là đúng pháp luật nên miễn xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo N, bà Siu H' P, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Siu A, Rmah Đ và những người đại diện hợp pháp về việc trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Rmah T 300.000 đồng; anh Siu M 650.000 đồng và anh Rmah G 500.000 đồng. Mỗi người có trách nhiệm là 362.500 đồng.

[6] Về vật chứng: Miễn xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Siu N có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Siu B là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Siu N và Siu B phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Siu N, người đại diện hợp pháp của bị cáo Siu B, ông Rah Lan W, bà Siu H' Đ và ông Rah Lan G, bà Rmah H' B là dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn án phí dân sự sơ thẩm là hợp lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Siu N và Siu B phạm tội " *Trộm cắp tài sản*" .

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Siu N.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Siu B

Xử phạt bị cáo Siu N **06** *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/11/2019.

Xử phạt bị cáo Siu B **04** *(Bốn)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/11/2019.

Giao bị cáo Siu N và Siu B cho UBND xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Pháp luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bị cáo Siu N, đại diện hợp pháp của bị cáo Siu B là bà Siu H' P; người đại diện hợp pháp của Siu A là ông Rah Lan W, bà Siu H' Đ và người đại diện hợp pháp của Rmah Đ là ông Rah Lan G, bà Rmah H' B trả lại cho anh Rmah T 300.000 đồng; anh Siu M 650.000 đồng, anh Rmah G 500.000 đồng. Trong đó bị cáo Siu N là 362.500 đồng; bà Siu H' P là 362.500 đồng; ông Rah Lan W, bà Siu H' Đ là 362.500 đồng; ông Rah Lan G, bà Rmah H'B là 362.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có quy định khác.

3. **Về hình phạt bổ sung**: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Siu N.

4. **Về xử lý vật chứng**: Miễn xét

5. **Về án phí**: - Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Siu N và Siu B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Miễn án phí Dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Siu N, bà Siu H' P *(Đại diện hợp pháp của bị cáo Siu B)*; ông Rah Lan W, bà Siu H' Đ *(Đại diện hợp pháp của Siu A)*; ông Rah Lan G, bà Rmah H' B *(Đại diện hợp pháp của Rmah Đ)*.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hàn án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

6. **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của các bị cáo chưa thành niên có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Siu A, Rmah Đen có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm; người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện Chư Pưh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện Chư Pưh;
- Chi Cục THS DS huyện Chư Pưh;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS.

Hồ Hoàng Liêu